

TƯ TƯỞNG CƠ BẢN VỀ GIÁO DỤC CỦA NHO GIÁO QUA MỘT SỐ NHÀ NHO TIÊU BIỂU

PHẠM THỊ LAN

*Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh
phamthilan_llct@iuh.edu.vn*

Tóm tắt. Nho giáo là học thuyết chính trị - xã hội do Khổng Tử sáng lập ở Trung Quốc thời Xuân Thu – Chiến Quốc và được du nhập vào Việt Nam cách đây khoảng hơn hai ngàn năm. Từ một học thuyết đề cao yếu tố đạo đức hơn pháp luật, thiết lập trật tự xã hội trên cơ sở giáo dục, giáo huấn con người để nó có kiến thức về đạo của thánh hiền mà tuân thủ vô điều kiện vào tầng lớp thống trị, Nho giáo đã được chính quyền đô hộ phương Bắc sử dụng làm công cụ thống trị thuộc địa, mục đích cột chặt sự lệ thuộc của nhân dân ta vào nhà Hán. Mặt khác, trong quá trình tồn tại và tiếp biến đó, Nho giáo đã có sự biến đổi và tham gia vào quá trình hình thành các giá trị truyền thống của Việt Nam. Trong giới hạn bài viết, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu quan điểm giáo dục thông qua một số nhà Nho tiêu biểu nhằm làm rõ một số nhận định trong quan điểm giáo dục của Nho giáo.

Từ khóa. Khổng Tử, Mạnh Tử, Tuân Tử, Nho giáo, giáo dục...

BASIC CONCEPT OF TEACHER'S EDUCATION THROUGH A NUMBER OF TYPICAL LABORERS

Abstract: Confucianism is a socio-political doctrine founded by Confucius in China during the Spring and Autumn period – the Warring States period and was introduced to Vietnam more than two thousand years ago. From a doctrine that upholds the moral element over the law, establishes social order on the basis of education, and teaches people so that it has knowledge of the religion of the sages and unconditionally adheres to the ruling class treat, Confucianism was used by the Northern colonial government as a tool for colonial domination, for the purpose of tightening our people's dependence on the Han Dynasty. On the other hand, during that process of existence and evolution Confucianism had a transformation and participated in the formation of traditional values of Vietnam. In the article, the author only focuses on studying the educational perspective through some typical Confucianists in order to clarify some statements in the educational perspective of Confucianism.

Keywords. Confucius, Mencius, Tuan Tu, Confucianism, education...

ĐẶT VẤN ĐỀ

Nho giáo ra đời tại Trung Quốc và từ hàng ngàn năm lịch sử đã có ảnh hưởng sâu sắc trên toàn bộ đời sống xã hội của nước này. Nhưng các nhà Nho lại đánh giá khác nhau qua các thời kỳ, học thuyết của các ông lại trải qua nhiều bước thăng trầm và chịu nhiều biến đổi, có lúc được đưa tới tận mây xanh, có lúc lại bị gạt sạt thậm tệ. Trong vài thập kỷ gần đây, một số nước vốn theo Nho giáo, đã có sự phát triển nhanh chóng về các mặt kinh tế, xã hội và khoa học, kỹ thuật. Chúng tôi nghĩ rằng, trên con đường phát triển, xã hội Việt Nam đã kế thừa rất nhiều truyền thống tốt đẹp của dân tộc, trong đó có sự đóng góp của Nho giáo. Tuy nhiên, Nho giáo là một vấn đề lớn và phức tạp cần được nghiên cứu nghiêm túc và giải quyết trên cơ sở khoa học, tránh những kết luận cực đoan vội vã [2]. Trong phạm vi của bài báo khoa học, tác giả chỉ đi sâu nghiên cứu và tìm hiểu về “*tư tưởng cơ bản về giáo dục của Nho giáo qua một số nhà nho tiêu biểu*”

2. NỘI DUNG

2.1. Khái quát chung về Nho giáo

Nho gia do Khổng Tử (551 – 479 tr.CN) sáng lập xuất hiện vào khoảng thế kỷ VI tr.CN dưới thời Xuân Thu. Sau khi Khổng Tử chết, Nho gia chia làm tám phái, quan trọng nhất là phái Mạnh Tử 327 - 389 tr.CN) và Tuân Tử (313 – 238 tr.CN).

Kinh điển Nho gia thường kể tới bộ Tứ thư và Ngũ kinh. Tứ thư có *Trung Dung*, *Đại học*, *Luận ngữ*, *Mạnh Tử*. Ngũ kinh có: *Thi*, *Thư*, *Lễ*, *Dịch*, *Xuân Thu*. Hệ thống kinh điển đó hầu hết viết về xã hội, về

những kinh nghiệm lịch sử Trung Hoa ít viết về tự nhiên. Điều này cho thấy rõ xu hướng biện luận về xã hội, về chính trị đạo đức là những tư tưởng cốt lõi của Nho gia. Nho gia gồm những nội dung tư tưởng cơ bản cơ bản sau đây:

◆ *Về vũ trụ và giới tự nhiên*

Trong học thuyết của Nho gia, “trời” có ý nghĩa bậc nhất. Khổng Tử thường nói đến “trời”, “đạo trời”, “mệnh trời”. Nhưng khi giảng giải đạo lý của mình, Khổng Tử lại không nói rõ ràng và hệ thống, ông chỉ cần vận dụng các khái niệm, phạm trù “trời”, “đạo trời”, “mệnh trời” để làm chỗ dựa mạnh mẽ thiêng liêng cho học thuyết và đạo lý của mình là được. Vì vậy, sau này quan niệm về trời đất đã lần lượt được các danh nho đời sau bổ sung.

Trời đối với Khổng Tử có chỗ như là quy luật, là trật tự của vạn vật (“Trời có nói gì đâu, bốn mùa vẫn thay đổi, trăm vật vẫn sinh trưởng”), có chỗ ông khẳng định trời có ý chí (“Than ôi! Trời làm mất đạo ta”, “Mắc tội với trời không thể cầu ở đâu mà thoát được”). Ý chí của Trời là Thiên mệnh. “Thiên mệnh” nói vắn tắt là mệnh [6].

Khổng Tử cho rằng mỗi cá nhân sống – chết, phú quý hay giàu nghèo đều do Thiên mệnh quy định. Phú quý không thể cầu mà có được, do vậy bất tất phải cầu. Mặt khác, Khổng Tử lại cho rằng con người bằng nỗ lực chủ quan của mình cũng có thể thay đổi được cái “Thiên tính” ban đầu. Ông nói, con người lúc sinh ra, cái “tính” trời phú cho là giống nhau nhưng trong quá trình tiếp xúc và học tập... nó làm cho họ khác nhau, có kẻ trí có người ngu. Đây là mặt tích cực, chỗ “thêm vào” của Khổng Tử với quan niệm “Mệnh trời” trước đó [6].

Khổng Tử tỏ ra thái độ hoài nghi về sự tồn tại của quỷ thần cho nên một mặt ông chủ trương tôn kính, một mặt xa lánh và cảnh giác. Ông nói: Biết kính quỷ thần mà xa lánh nó là người trí – như vậy kẻ mê tín quỷ thần là kẻ ngu; Tế thần xem như là có thần – có thần hay không là do mình; Quỷ thần không đáng tế mà tế là nịnh – Phải cảnh giác [6].

Có thể nhận định rằng, những người sáng lập Nho gia nói về tự nhiên không nhiều. Họ thừa nhận có “Thiên mệnh”, nhưng đối với quỷ thần lại xa lánh, kính trọng. Lập trường của họ về vấn đề này rất mâu thuẫn. Điều đó chứng tỏ tâm lý của họ là muốn gạt bỏ quan niệm thần học thời Ân – Chu nhưng không gạt nổi. Quan niệm “Thiên mệnh” của Khổng Tử được Mạnh Tử hệ thống hóa, xây dựng thành nội dung triết học duy tâm trong hệ thống tư tưởng triết học của Nho gia. Mạnh Tử khuếch đại những yếu tố duy tâm trong học thuyết của Khổng Tử, biến nó thành một thứ học thuyết có tính chất duy tâm tiên nghiệm thần bí.

◆ *Về đạo đức*

“Nhân” là “thương người”, điều gì mà mình không muốn thì cũng đừng đem áp dụng cho người khác, mình muốn lập thân thì cũng giúp người khác lập thân, mình muốn thành đạt thì cũng giúp người khác thành đạt. Ông cho rằng, phẩm chất chất phác, tình cảm chân thực là điều kiện cần thiết để trau dồi đạo đức “Nhân”, những người thích trau chuốt, hình thức, khéo nói là ít đức “Nhân” [6]. Mạnh Tử đưa ra thuyết “Nhân chính” chủ trương chống điều lợi, chống làm giàu, ông nói: “Đã làm giàu thì bất nhân, đã làm điều nhân thì không thể giàu được” [6].

“Đạo nhân” có ý nghĩa rất lớn với tính cách của con người do trời phú. Kinh điển Nho gia chỉ rõ “trời mệnh cho gọi là tính, kèm dẫn dắt tính gọi là đạo, tu dưỡng đạo gọi là giáo”. Tính của con người do trời phú mà cứ buông lơi, thả lỏng trong cuộc sống thì tính không thể tránh khỏi tình trạng biến chất theo muôn vàn tập tục, tập quán. Trong hoàn cảnh ấy thì con người có thể trở thành vô đạo, dẫn đến cả nước vô đạo và thiên hạ vô đạo. Vì vậy, Khổng Tử khuyên nên coi trọng “giáo” hơn “chính”, đặt giáo hóa lên trên chính trị. Chủ trương “giáo” của Khổng – Mạnh là mở trường dạy học trò và chính lý, biên soạn ngũ kinh, tứ thư nhằm giúp người ta trau dồi tư tưởng đạo đức. Chính hoạt động ấy của Khổng – Mạnh đã lập nên trường phái triết học chính trị gọi là Nho giáo hay Đạo Nho. Nội dung cơ bản đạo đức của Nho gia là *luân thường*. Luân có năm điều chính gọi là “ngũ luân”, đều là những quan hệ xã hội, trong đó có ba điều chính là vua tôi, cha con, chồng vợ gọi là tam cương. “Thường” có năm điều chính gọi là “ngũ thường”, đều là những đức tính do trời phú cho mỗi người: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Đứng đầu ngũ thường là nhân nghĩa. Trong nhân nghĩa thì nhân là chủ. Đạo của Khổng Tử trước hết là Đạo nhân. Luân và thường gắn bó với nhau, nhưng trên lý thuyết và trong thực tiễn luân đứng trước thường [6].

Trong học thuyết Nho giáo về vấn đề đạo đức được bàn nhiều nhất. Bởi vì, đạo đức là công cụ, phương tiện chủ yếu của giai cấp thống trị dùng để cai trị và quản lý xã hội. Đó cũng là tiêu chí để đánh giá và hoàn thiện một con người trong xã hội. Chỉ rõ trách nhiệm đạo đức đối với bản thân, gia đình và xã hội.

Hầu như các nhà nho đều đề cao sự tu thân, coi đây là yêu cầu quan trọng nhất trong việc tu dưỡng đạo đức của con người.

◆ *Về chính trị - xã hội*

Khổng Tử cho rằng trước hết là thực hiện “chính danh” là điều căn bản của việc làm chính trị, đưa xã hội “loạn” trở lại “trị”. Khổng Tử nói bản chất của ông vua là những điều kiện lý tưởng mà ông vua phải có nghĩa là điều kiện hợp với “vương đạo”. Hành động theo vương đạo thì ông vua mới thật là ông vua, ông vua đó hợp với danh. Nếu ông vua không hành động theo vương đạo, thì ông vua không phải là ông vua nữa, mặc dù dân chúng vẫn coi là vua. Vậy, trong xã hội, mỗi cái danh đều bao hàm một số trách nhiệm và bổn phận mà cá nhân mang danh ấy phải có những trách nhiệm và bổn phận phù hợp với danh ấy. Đó là ý nghĩa thuyết chính danh của Khổng Tử [6].

“Lễ” theo Khổng Tử là lễ nghi, quy phạm đạo đức thời Tây Chu, tức là Lễ của nhà Chu. Ông cho rằng, do vua không giữ đúng đạo vua, tôi không làm đúng đạo tôi, cha không giữ đúng đạo cha, con không làm đúng đạo con cho nên thiên hạ “vô đạo” và “thiên hạ đại loạn”. Do vậy, cần phải lập lại kỷ cương cho vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con để cho thiên hạ “hữu đạo”, xã hội yên ổn. “Lễ” hiểu theo nghĩa rộng là những nghi thức, quy chế, kỷ cương, trật tự, tôn ti của cuộc sống chung trong cộng đồng xã hội và cả lối cư xử hàng ngày. “Lễ” hiểu theo nghĩa một đức trong “ngũ thường” thì là sự thực hành đúng những giáo huấn kỷ cương, nghi thức do Nho gia đề ra cho những quan hệ “tam cương”, “ngũ luân” và cho cả sự thờ cúng thần linh. Đã là người thì phải học lễ, biết lễ và có lễ. Con người học lễ từ tuổi trẻ thơ. Với ý nghĩa này, “Lễ” là nội dung cơ bản của lễ giáo đạo Nho. Lễ với những cách hiểu trên là cơ sở, là công cụ chính trị, là vũ khí của một phương pháp trị nước, trị dân lâu đời của Nho giáo. Phương pháp ấy gọi là “lễ trị” [6].

Nhìn chung, các phạm trù chính trị - xã hội đều nhằm thực hiện mục tiêu chính trị rõ rệt là Đạo nhân. Nho giáo thể hiện nhiều mối quan hệ gắn bó với nhau trong một cộng đồng nhất định. Nho giáo coi trọng mối quan hệ rường cột giữa nhà và nước. Muốn trị quốc trước hết phải tề gia giới. Nho giáo cho rằng trong xã hội phải có người đại diện nắm giữ quyền lực để điều hành và quản lý đất nước đó chính là vua. Vua sẽ là người đại diện điều hành và quản lý đất nước của mình để tạo ra một cộng đồng xã hội có tôn ti trật tự, hòa thuận từ trong gia đình đến nhà nước và thiên hạ.

2.2. Nội dung tư tưởng của Khổng Tử, Mạnh tử, Tuân Tử về giáo dục

2.2.1. Quan điểm của Khổng Tử

Là một nhà giáo dục lớn, một mặt Khổng Tử chủ trương dạy cho tất cả mọi người không phân biệt đẳng cấp, giàu nghèo, chủng tộc, “hữu giáo vô loại” [5]. Chủ trương lấy đạo làm chính, ông không muốn đạo rời xa con người, ông hiểu rằng giàu sang ai cũng ham muốn, nghèo hèn ai cũng chán ghét, ngái cũng không muốn đi ngược lại xu hướng đó. Ý Khổng Tử muốn nói rằng ông không chê nghề nào là vi tiện. “Giàu có mà không thể trông mong, dẫu làm người cầm roi theo hầu, ta cũng làm. Nếu như không thể trông mong, ta làm theo ý thích” [5]. Khổng Tử cho rằng bản tính người ta gần giống nhau, vì tính bẩm sinh của con người là tính thiện, song do tác động của môi trường mỗi nơi mỗi khác, và con người vì nhiễm thói quen mà khác xa nhau. Vì vậy Khổng Tử cho rằng “Chỉ có thượng hạ trí và hạng hạ ngu là không thay đổi” [5].

Khổng Tử khuyên học trò mình nghèo không oán, giàu không kiêu, chưa dễ mấy ai làm được, nhưng nghèo không oán là khó hơn giàu không kiêu [5]. Ông còn nói với học trò của mình rằng: “Ta chẳng oán trời, chẳng trách người, học những điều tầm thường mà thông đạt những điều cao siêu nên hiểu được ta họa may chỉ có trời” có nghĩa là các học trò không nên oán trời phải biết nghe hiểu, học để tìm những điều hay, điều không tốt nên tránh [5].

Khổng Tử đã lấy sách có sẵn bấy giờ để dạy học. Trong khi dạy, ông tùy lúc cũng có gia giảm, chọn lọc. Nếu cho hành động đó là *san chính* (tức là trừ bỏ điều không thích hợp, sửa sang lại cho đúng) lục kinh, thì quả thực Khổng Tử đã có san chính. Nếu vậy, việc san chính không có gì phi thường cả. Nho gia đời sau theo nếp cũ, tiếp tục dùng lục nghệ để dạy học. Trong đó các phái khác chuyên giảng dạy học thuyết mới mẻ của họ chứ không dùng sách xưa nữa. Cho nên lục nghệ cơ hồ dần dần trở thành sở hữu của Nho gia, coi như Khổng Tử chế tác ra [4].

Ông còn khuyến khích học trò của mình trong việc học, phát huy tính sáng tạo của mình. Dựa vào điều này để suy nghĩ điều khác. Khổng Tử nói rằng: “Không bực tức thì trí không mở, không hậm hực thì ý không bật ra. Chỉ cho một góc, mà không (chịu để tâm) suy ra ba góc kia, ắt ta không nói lại nữa” [5].

Khổng Tử cũng rất đề cao việc ứng dụng vào cuộc sống những điều đã học. Ông nói: “Như có ai đã đọc

thuộc hết ba trăm thiên trong *Kinh Thi*, được bậc quốc trưởng trao quyền hành chính cho mình, nhưng cai trị chẳng xuôi; được phái đi sứ đến các nước ở bốn phương, nhưng tự mình chẳng có tài ứng đối, người ấy đầu đọc nhiều cũng trở nên vô ích” [1].

Khổng Tử dạy học trò của mình lặng yên mà suy nghĩ để ghi nhớ những kiến thức về đạo lý có điều gì khó khăn, thiếu sót để tự xem xét lại mình. Ông xem việc dạy bảo học trò không biết mệt mỏi. Khổng Tử nói rằng: “Lặng lẽ mà ghi nhớ, học mà chẳng chán, dạy bảo người mà không mệt mỏi, ba điều đó có phần nào thiếu sót nơi ta chăng” [5]. Khổng Tử dạy học trò là con người tính nết phải tu sửa cho tốt, khi nói chuyện với người khác phải giảng giải, giải thích cho thật rõ ràng, nếu lỡ làm sai thì phải biết sửa đổi. Ông nói rằng: “Tính nết chẳng tu sửa cho tốt, việc học chẳng giảng giải, nghe điều nghĩa chẳng biết làm theo, lỡ mắc điều sai quấy chẳng sửa đổi, đó là những điều ta lấy làm lo” [5].

Khổng Tử rất coi trọng nguyên tắc làm gương. Những buổi đàm đạo về chính sự với quan lại triều đình, những lời khuyên học trò đã đề cập đến và phần nào đã phản ánh được đến điều ấy. Khổng Tử không xuất hiện như một hiền triết siêu phàm mà là người bình dị, dễ hiểu. Ông cũng có lúc mềm lúc yếu, cũng đầy những thành kiến và tham vọng, nhưng ông kiềm chế và để tuân theo những phép tắc mà chính ông truyền giải [1].

Khổng Tử rất coi trọng việc khuyên mọi người không nên oán giận người nào. Trong khi nói chuyện với Trọng Cung Khổng Tử biết Trọng Cung là người mang nhiều tâm sự u uất nên Khổng Tử khuyên ông nên mở rộng tâm lòng, đó là việc làm tốt và việc làm đó gắn liền với điều nhân. Không những thế Khổng Tử còn đề cao việc kính trọng lễ hay là việc phục lễ là kết quả tốt cho việc áp dụng lòng “trung thứ”. Trọng Cung hỏi về điều nhân, Khổng Tử nói rằng: “Ra khỏi cửa, (nghiêm trang) như lúc tiếp khách sang trọng, sai khiến dân (cẩn thận) như dự tế lễ lớn. Điều gì mình không muốn, chớ thi hành cho người khác. (Như vậy) trong nước chẳng ai oán giận, trong nhà cũng không ai oán giận” [5].

Cách dạy của ông như thế, nên thành tựu của học trò khác nhau. Theo *Luận ngữ*, về đức hạnh có Nhan Uyên, Mẫn Tử Khiên, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung; về ngôn ngữ có Tê Ngã, Tử Cống; về chính trị có Nhiễm Hữu, Quý Lộ; về văn chương có Tử Du, Tử Hạ [4].

Như vậy, Khổng Tử là thầy giáo, nhưng trong lịch sử triết học Trung Quốc thì ông lại là người có địa vị rất cao bởi vì ông là người đầu tiên giảng dạy học thuật cho đại chúng, lấy giáo dục làm nghề nghiệp, mở rộng phong trào giảng học và du thuyết đời Chiến Quốc. Ông chính là người sáng lập – ít nhất cũng là phát triển rực rỡ một tầng lớp kẻ sĩ ở Trung Quốc cổ đại mà những người này chẳng phải hạng công, nông, thương hay quan liêu [3]. Tất cả những gì Khổng Tử đã làm xứng đáng để ông trở thành nhà giáo dục lớn của xã hội đương thời và kinh nghiệm giáo hóa dân của ông luôn là những bài học để mọi thế hệ quan tâm. Song quan điểm giáo dục của Khổng Tử chủ yếu dừng lại ở giao tiếp, lễ nghi chứ không hẳn mở mang dân trí nói chung. Ông cũng đã bút tri thức khỏi lao động sản xuất – lĩnh vực quan trọng nhất của đời sống xã hội và nhất là mục đích giáo dục của ông đã bộc lộ hoàn toàn quan điểm của một người thầy chủ nô quý tộc đang truyền đạo để củng cố địa vị của giai cấp mình [1].

Có thể khẳng định rằng: phương pháp giáo dục của Khổng Tử đều thể hiện tư tưởng “Thân dân” đậm nét. Theo Khổng Tử không có một dân tộc nào có thể phát triển được nếu mà họ coi thường giáo dục. Thiết nghĩ, hiện nay nền kinh tế tri thức đang mở cửa và hướng nhân loại vào kỷ nguyên khoa học và công nghệ, thì việc học tập thường xuyên, học mọi lúc mọi nơi, học suốt đời trở nên quan trọng. Vì vậy, những quan điểm giáo dục của Khổng Tử là một nội dung bao hàm cả ý nghĩa lý luận và mặt thực tiễn đối với các nước nói chung và Việt Nam nói riêng.

2.2.2. Quan điểm của Mạnh Tử

Trong việc giáo dục, Mạnh Tử phân biệt rất rõ các loại đối tượng khác nhau và tùy theo khả năng sở trường của từng người mà đưa ra phương pháp và nội dung khác nhau: “Quân tử dạy người có năm hạng. Có hạng người đã học cao, thì cách dạy như là trận mưa phải thời, để thấm nhuần mà cảm hóa cho... Có hạng người tính chất thuần hậu, dạy cho họ được thành đức hạnh. Có hạng người thiên tư sáng suốt, dạy cho họ được thành tài năng. Có hạng người đến hỏi điều gì thì trả lời cho, để giải thích cho những điểm nghi hoặc. Có hạng người chỉ trộm nghe những điều hay lẽ phải mà tự tu tính lấy mình. Năm hạng ấy, quân tử tùy tài năng mỗi hạng mà dạy” [1].

Mạnh Tử nói: “Thiết lập các loại trường như Trường, Tự, Học, Hiệu để dạy dân. Trường là để nuôi dưỡng. Hiệu là để dạy dân. Tự là để bắn cung. Trường học đời Hạ gọi là Hiệu, đời Ân gọi là Tự, đời Chu gọi là Trường. Đến đời Tam Đại thì gọi chung một tên là Học. Tất cả các loại trường này đều nhằm làm rõ đạo người. Khi kẻ ở trên làm rõ đạo làm người, thì trong hạng tiểu dân ở dưới sẽ có tình cảm thân ái” [4].

Mọi người đều có thể sinh sống, “nuôi được kẻ sống, chôn được kẻ chết, không có gì ân hận”, đó chỉ là điểm khởi đầu của vương đạo. Vương đạo sẽ hoàn thành khi nào mọi người đã được giáo dục để hiểu rõ đạo làm người. Đó cũng là ý nghĩa câu “phú chi giáo chi” (làm cho họ giàu và giáo dục họ) của Khổng Tử [4].

Khi bàn về tâm tính con người, ông cho rằng bản tính con người ta thiện hay ác là một trong những vấn đề rất được quan tâm. Bởi lẽ trong thời kỳ xã hội Trung Hoa đang suy loạn thì việc giáo dục đạo đức luân lý để cải hóa con người từ ác trở thành thiện, cải biến xã hội loạn trở thành thịnh trị là việc quan trọng và cấp thiết bậc nhất của các bậc vua chúa thời đó [1].

Theo Mạnh Tử, việc giáo dục tính thiện cho con người ta được biểu hiện bốn đức lớn là nhân, nghĩa, lễ, trí ứng với bốn thịnh đức của trời: nguyên, hạnh, lợi, trinh. Ông đề cao đức nhân: “Đức nhân là cái lễ người ta sợ dĩ là người hợp với cái lễ ấy với bản thân con người mà nói, thì tức là con đường nghĩa lý phải noi theo vậy – Nhân đã giả nhân dã, hợp nhi ngôn chi, đạo dã” [1]. Cho nên, Mạnh Tử luôn tin vào bản tính thiện của con người cho nên Ông cho rằng sự tự sửa mình, tự giáo dục mình của mỗi người là rất quan trọng. Như vậy theo Mạnh Tử “Cái đạo học hỏi không có gì khác, chỉ cốt tìm lại cái tâm...” [1].

Bên cạnh đó, Ông chủ trương chống công lợi. Ông cho rằng người ta ai cũng có *tứ đoan*: lòng thương xót, hổ thẹn, khiêm nhường, phân biệt đúng sai. Nếu tứ đoan được phát triển đầy đủ thì trở thành *tứ đức*. Bốn đức tính này là kết quả tự nhiên của sự phát triển nhân tính. Đó là một sự phát triển mà con người phải tiến hành để có được cái khiến “con người trở thành Người”. Cho nên tứ đức không phải được thực hành chỉ vì chúng có lợi ích vật chất, mặc dù sự thực hành tứ đức tất nhiên tạo ra kết quả có lợi cho xã hội [4].

Mạnh Tử cho rằng việc dạy và học cần phải khiêm tốn, có như thế mới đạt hiệu quả, cũng như: “Hậu Nghệ dạy bắn cung ắt phải bảo học trò đặt tâm chí vào việc giương thẳng cây cung, học giả tìm hiểu đạo lý cũng phải để tâm chí vào việc học, thật căng thẳng. Người thợ cả dạy nghề ắt phải bảo thợ bạn sử dụng thước qui, thước củ, học giả tìm hiểu đạo lý cũng phải có quy củ” [5]. Ông còn cho rằng chúng ta nên xem xét lại bản thân, nếu gặp những điều chưa vừa ý. Ông nói rằng: “Yêu người mà người không thân ái, hãy xét lại lòng nhân của mình. Sai khiến người mà người không phục, hãy xét lại trí sáng suốt của mình. Giữ lễ với người chẳng được đáp ứng, hãy xét lại thái độ của mình đã đủ cung kính chưa. Làm bất cứ việc gì không được toại nguyện, đều nên xét lại bản thân. Bản thân ngay thẳng mọi người đều theo về” [5]. Mạnh Tử cũng nói rằng: “Lòng hổ thẹn đối với con người thật là lớn lao. Những kẻ khéo bày kế biến trá không còn sử dụng tới lòng hổ thẹn nữa. Lòng hổ thẹn đã thua người khác, còn được nét gì sánh kịp người khác nữa đây?” [5].

Như vậy, có thể khẳng định rằng những tư tưởng về giáo dục của Mạnh Tử mang đậm quan điểm nhân bản sâu sắc đối với xã hội đương thời lúc bấy giờ. Ông xứng đáng được đời sau tôn vinh ông là bậc á thánh của Nho gia. Tuy nhiên khi luận giải về bản tính con người còn mang yếu tố duy tâm.

2.2.3. Quan điểm của Tuân Tử

Ông dạy con người bỏ thói quen ý lại và lệ thuộc vào tự nhiên. Ông khuyên con người ta không nên chờ đợi sự ban phát của tự nhiên một cách bị động mà phải vận dụng tài trí, khả năng, sức lực của mình để dưỡng vật, chế tài vật, ứng phó với đời, hóa vật và trị vật ngày một tốt hơn. Thiên chức con người, theo Tuân Tử là ra sức phát triển sản xuất, sửa trị việc nước, chú trọng giáo hóa đạo đức, lễ nghĩa. Làm được như vậy, con người có thể sánh ngang với trời đất. Quan điểm này nhằm cổ vũ cho tinh thần, ý chí tiến thủ của con người trong cuộc sống [1].

Trong thiên *Bất Cầu* ông nói: “Quân tử dưỡng tâm chẳng gì tốt bằng chân thành. Đạt được chân thành thì chẳng còn gì khác. Cứ giữ lấy điều nhân và thi hành điều nghĩa. Người quân tử chí đức, chưa nói mà ai cũng hiểu, chưa thi thố tài năng mà ai cũng thân cận, không giận giữ mà ai cũng sợ uy. Thuận mệnh trời là thận trọng sự chuyên nhất của mình. Người giỏi hành đạo, không chỉ thành thì không chuyên nhất, không chuyên nhất thì không thể hiện đạo đức ra ngoài. Đạo đức không thể hiện ra ngoài thì dù lòng nghĩ, nét mặt lộ tâm tư, nói thành lời, dân chúng cũng chưa theo. Dù có theo nhưng lòng họ vẫn hoài nghi. Trời đất lớn, nếu không chân thành thì không hóa dục được vạn vật. Thánh nhân sáng suốt, nếu không chân thành thì không cảm hóa được vạn dân. Cha con thân thiết, nếu không chân thành thì sẽ lợt lạt. Vua tôn quý, nếu không chân thành thì trở nên hèn hạ. Chân thành là cái mà quân tử giữ lấy và là gốc của nền cai trị [4].

Bên cạnh đó Tuân Tử còn khá chú trọng quy phạm từ ngoài đối với hành vi của cá nhân, và khá chú trọng lễ. Tuân Tử nói: “Học bắt đầu ở đâu và chấm dứt ở đâu? Đáp: Phương pháp ấy là bắt đầu ở việc học kinh điển và chấm dứt ở việc học lễ.” [4].

Ông lại nói: “Khi dùng khí huyết, ý chí, trí lực, nếu theo lễ thì hanh thông, nếu không theo lễ thì sai quấy, rối loạn, cầu thả, và lười nhác. Về ăn uống, y phục, cư xử, động tĩnh, nếu theo lễ thì điều hòa tiết độ, nếu không theo lễ thì gặp nguy hại. Về dung mạo, thái độ, tiến thoái, xu thế tiến hành, nếu theo lễ thì trang nhã, nếu không theo lễ thì què mùa, thô tục, tầm thường. Cho nên người không có lễ thì không sống tốt, sự việc không có lễ thì không thành, quốc gia không có lễ thì không an ninh [4].

Tuân Tử còn dạy rằng: “Nếu không có vua để chế ngự bề tôi, nếu không có người trên để chế ngự kẻ dưới, thì thiên hạ sẽ nguy hại do lòng dục được buông thả. Người ta ưa ghét giống nhau đối với sự vật. Ham muốn thì nhiều mà vật lại ít. Vật ít thì họ tranh giành. Cho nên thành quả của trăm thợ là để nuôi dưỡng một người; thế mà một kẻ giỏi giang không thể làm được nhiều nghề, một người không thể kiêm nhiệm nhiều chức quan. Nếu người ta sống tách biệt và không phục nhau, thì khốn cùng. Chung sống mà không phân biệt nhau thì sẽ tranh giành. Khốn cùng là mối lo, tranh giành là mối họa. Muốn hết lo và trừ họa, không gì bằng phân biệt rõ ràng để chung sống. Mạnh hiếp yếu, khôn dọa ngu, dân chúng chống vua quan, người nhỏ xúc phạm trưởng thượng, không dùng đạo đức để cai trị. Nếu thế, người ta sẽ có mối lo không được phụng dưỡng và trai tráng sẽ có mối họa tranh giành. Công việc thì ghét, lợi nhuận thì ham, nghề nghiệp thì không phân biệt. Nếu thế, người ta sẽ có mối lo không làm xong việc và có mối họa tranh giành lợi nhuận. Nam nữ kết hợp, duyên phận vợ chồng, đám hỏi, đám cưới, rước dâu không theo lễ. Nếu thế, người ta sẽ có mối lo mất kẻ hôn phối và mối họa tranh giành sắc dục. Cho nên người hiểu biết đã tạo ra sự phân biệt trong xã hội” [4].

Vì thế, ông nói: “Người không có thầy, không có pháp mà biết thì ắt đi ăn trộm, dưng mãnh thì tắt làm giặc, tài giỏi thì làm loạn, xem xét thì làm những điều quái dị, biện luận thì nói những điều hoang đường. Người có thầy, có pháp mà biết thì mau thông, dưng mãnh thì có uy, tài giỏi thì mau thành đạt, xem xét thì hiểu hết đạo lý, biện luận thì nhanh biết phải trái. Cho nên không có thầy không có pháp là cái họa lớn của người ta, có thầy có pháp là cái tôn quý của người ta vậy” [1].

Những quan điểm giáo dục mà Tuân Tử đề cập đến cũng đều nhằm dạy cho con người biết kính trên nhường dưới, biết yêu thương nhau, tôn trọng nhau. Và ông cũng đề cao vai trò của người thầy dạy học là rất quan trọng, cần thiết cho bất cứ một xã hội nào.

2.3 Một số nhận định về giá trị trong quan điểm giáo dục của Nho giáo

Những lý thuyết của Nho giáo thường thì đặt vấn đề tinh thần cao hơn vật chất. Nhưng Nho giáo lại giải thích trước hết phải có cái ăn đã; có nghĩa là người dân phải được no ấm vì lòng nhân ái đối với mỗi con người và nếu dân đói thì không thể nuôi được những người đang cai trị. Mặt khác, Nho giáo khuyên giới cầm quyền nên tìm mọi cách giúp dân, để dân được no ấm, cả nhà có của ăn của dư; người trên nên quan tâm đến kẻ dưới, người dân cùng chung sống và bảo vệ lẫn nhau trong một cộng đồng nhất định. Vì vậy, Nho giáo đã để lại giá trị với cuộc sống hôm nay đó là người lãnh đạo phải biết quan tâm đến dân, chăm lo cho dân, yêu dân như yêu chính bản thân mình.

Với mục đích phát triển kinh tế thì chính sách cơ bản của Nho giáo là “*dĩ nông vi bản*”. Nho giáo thường nhắc tới những gương tốt của những bậc đế vương chăm lo đến sản xuất. Như Khổng Mạnh đã vạch ra một chế độ kinh tế lý tưởng đó là chế độ “Tinh điền”. Chế độ lý tưởng đó chính là khiến cho dân được giàu lên, tức là vì lợi ích của nhân dân. Cho nên sẽ là sai lầm nếu bảo rằng chế độ tinh điền mà Mạnh Tử mô tả như trên là một chế độ do ông hoàn toàn tưởng tượng và sáng tạo nhằm mục đích phục vụ đời đời nhân dân, chăm lo cho dân. Do đó nó đem lại giá trị không chỉ về mặt chính trị xã hội mà còn mang cả ý nghĩa về kinh tế nữa.

Những quan điểm giáo dục của các nhà Nho gồm Khổng Tử, Mạnh Tử và Tuân Tử đều đem lại một giá trị nhân đạo rất sâu sắc như dạy cho con người biết hướng thiện và tránh xa điều ác; dạy cho con người ta biết hiếu thảo với người trên mình; dạy cho bề tôi biết phục tùng vua và tuân thủ một cách vô điều kiện những lễ nghĩa mà vua đặt ra. Bởi lẽ, Nho giáo coi trọng việc giáo dục, giáo hóa con người là mục tiêu hữu hiệu nhất để hoàn thiện con người và hoàn thiện xã hội nhằm mục đích duy trì trật tự xã hội.

Theo quan điểm của các nhà Nho giáo thì chính danh cũng cực kỳ quan trọng vì dựa vào nó để làm cơ sở cho chế độ phong kiến duy trì mục đích cai trị. Theo Khổng Tử, một xã hội không loạn lạc là một xã hội có trật tự, không lộn xộn thì phải dựa vào thuyết chính danh. Nếu như con người ta không chính danh thì xã hội sẽ đại loạn. Mỗi một người làm đúng danh của mình thì xã hội sẽ có trật tự, kỷ cương, gia đình êm ấm. Bên cạnh đó, Nho giáo nhấn mạnh việc sản xuất đi đôi với tiết kiệm thể hiện trong những lời răn dạy của người làm quan thanh liêm xưa thường thì trang phục rất đơn giản, họ coi tâm hồn của con người là sự thanh cao của vẻ đẹp chứ không phải ở sự phô trương lãng phí trong sinh hoạt đời thường.

Chúng tôi nghĩ rằng, những quan điểm về giáo dục của Khổng Tử, Mạnh Tử và Tuân Tử nêu trên, nếu như chúng ta biết khai thác và vận dụng hợp lý trong sự nghiệp đổi mới của đất nước thì nhất định có thể phát triển kinh tế và duy trì trật tự xã hội ổn định. Từ đó, hướng mỗi con người tiếp nhận những truyền thống tốt đẹp của dân tộc để đáp ứng được những yêu cầu mới của thời đại ngày nay.

Xuất phát từ quan điểm về giáo dục thì Nho giáo đã giúp những con người sống gần gũi nhau hơn, biết yêu thương đùm bọc để thích ứng với nghi thức và ứng xử phù hợp với lời răn dạy của cha ông được truyền theo thế hệ. Như Khổng Tử đã nói: “Cha ra cha, con ra con, anh ra anh, em ra em..” có nghĩa là duy trì trật tự trên dưới mà ngày nay quan điểm này của Khổng Tử vẫn còn nguyên giá trị và ý nghĩa của nó.

Sự giáo dục của Nho giáo lấy lễ làm mục đích để đạt tới độ sâu sắc và nó đã trở thành tiêu chuẩn đánh giá hành vi của mỗi con người. Theo các nhà Nho nếu ai vi phạm lễ sẽ trở thành sự đau khổ, đáng si nhục, thậm chí đến mức thà chết chứ không nên bỏ lễ. Điều này có giá trị rất quan trọng bởi hướng con người tới việc rèn luyện và nghiêm khắc đối với chính bản thân mình. Lễ theo Khổng Tử là điều kiện quan trọng bậc nhất để duy trì trật tự xã hội nhằm ổn định chính trị của một đất nước.

Quan điểm giáo dục cũng được thể hiện trên việc xây dựng nên những mối quan hệ chặt chẽ trong gia đình: cha con, chồng vợ, anh em. Trong những mối quan hệ này, các nhà Nho xem nó là những mối quan hệ rất quan trọng vì người con có hiếu là người có ý thức và có bổn phận đối xử tốt với cha mẹ, biết làm cho cha mẹ vui sướng, nuôi dưỡng cha mẹ lúc về già. Muốn đánh giá được phẩm chất một người ở ngoài xã hội thì trước tiên người ta phải xem tư cách, thái độ của người ấy đối xử trong gia đình mình ra sao. Nếu như đối xử tốt với gia đình thì mới có thể đối tốt ngoài xã hội. Các nhà Nho khẳng định về sự giáo dục từ trong gia đình có tác động mạnh mẽ, thậm chí quyết định đến thành công trong việc trị nước của mình..

Khi đánh giá về quan điểm giáo dục của Khổng Tử, Mạnh Tử và Tuân Tử thì mục đích của Nho giáo mang yếu tố tiến bộ. Nho giáo quan niệm giáo dục là cần thiết cho tất cả mọi người “*hữu giáo vô loại*” nên ai cũng có cơ hội được học hành để hướng con người tới những phẩm chất cao quý đó. Nhờ yếu tố tích cực này mà giáo dục đã trở thành công cụ hữu hiệu nhất, là con đường ngắn nhất để đạo tạo lớp người cai quản và thống trị xã hội theo hệ tư tưởng phong kiến mà theo Khổng Tử đó là lớp người quân tử.

Nội dung giáo dục có tác dụng giáo hóa con người, giúp con người hướng đến những giá trị tốt đẹp. Về phương pháp giáo dục các nhà Nho đã đưa ra nhiều quan điểm tiến bộ về phương pháp giáo dục như học đi đôi với hành để giúp cho học trò có thể tự lĩnh hội được tri thức. Phương pháp này cũng giúp con người xác định nghĩa vụ, trách nhiệm của mình để từ đó suy nghĩ và xử thế phù hợp trong tất cả các mối quan hệ xã hội.

3. KẾT LUẬN

Nghiên cứu về Nho giáo chúng tôi không thể bỏ qua những nội dung cơ bản của Nho giáo; những quan điểm giáo dục của các nhà Nho như Khổng Tử, Mạnh Tử và Tuân Tử... Theo quan điểm của Nho giáo thì nội dung giáo dục thống nhất và thâm nhập vào lĩnh vực của đời sống xã hội. Điều này có thể khẳng định là thành quả rực rỡ nhất trong triết học nhân sinh quan. Từ những nội dung cơ bản của Nho giáo, chúng ta thấy về nhu cầu và nhiệm vụ thực tiễn đặt ra cho giai cấp phong kiến là duy trì, ổn định trật tự bộ máy Nhà nước phong kiến. Quản lý xã hội theo mô hình phong kiến và phát triển đất nước theo học thuyết Nho giáo. Quan điểm về giáo dục trong học thuyết Nho giáo vẫn tiếp tục được kế thừa một cách có chọn lọc thể hiện ngay trong đời sống xã hội hiện nay. Vì vậy, việc nghiên cứu về Nho giáo vẫn chưa hoàn thành mà cần được quan tâm và tiếp tục nghiên cứu sâu rộng hơn nữa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Doãn Chính (Chủ biên) (2009), *Đại cương lịch sử triết học Trung Quốc*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
- [2] Trần Trọng Kim (2001), *Nho giáo*, Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
- [3] Vũ Khiêu (1997), *Nho giáo và phát triển ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội.
- [4] Phùng Hữu Lan (2006), *Lịch sử triết học Trung Quốc*, Nxb Khoa học xã hội.
- [5] Nguyễn Đức Lâm (1998), *Tứ thư tập chú*, Nxb Văn hóa – Thông tin
- [6] Nguyễn Hữu Vui (2007), *Lịch sử triết học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội

Ngày nhận bài: 23/03/2021

Ngày chấp nhận đăng: 01/07/2021